

Bản án số: 17/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 27/7/2018
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E – TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Ngọc Lâm

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hà Thị Thanh
2. Ông Vũ Văn Long.

- Th- ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tân — Thư ký Tòa án nhân dân huyện E.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện E tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Aận – Kiểm sát viên.

Hôm nay ngày 27/7/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện E xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2018/TLST-HNGĐ ngày 30/5/2018 về việc: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn* theo Quyết định đ-a vụ án ra xét xử số 23/2018/QĐXX-ST ngày 10/7/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vi Thị A** – Sinh năm 1988

Địa chỉ: Làng C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn B** - Sinh năm 1985

Địa chỉ: Làng C, xã D, huyện E, tỉnh Thanh hóa.

Tại phiên tòa có mặt anh B, chị A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện vụ án ly hôn ngày 16/5/2018 và bản tự khai nguyên đơn chị Vi Thị A trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn B kết hôn với nhau vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c-ới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện E vào ngày 11/3/2008.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian, đến tháng 3/2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh B ghen tuông vô cớ, mỗi lần uống rượu về nhà hay đánh đập chị, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng và nặng nề hơn. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, nên vợ chồng đã sống ly thân được hơn 01 năm nay, không còn ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai. Nay chị xét

thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt đ- ợc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh **B**.

Về con chung : Chị và anh **B** có 01 con chung: Cháu Phạm Huy Hoàng – Sinh ngày 24/7/2008. Ly hôn, nguyện vọng của chị là để anh **B** trực tiếp nuôi và chị cấp d- ỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ.

Về tài sản, công nợ chung: Vợ chồng chị có khối tài sản chung gồm 140.000.000đ tiền mặt, hiện nay anh **B** đang quản lý. Nay ly hôn, chị yêu cầu được chia đôi số tài sản trên.

Ngoài ra, vợ chồng không vay nợ của ai và cũng không cho ai vay nợ gì.

*Tại bản tự khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ, bị đơn anh Phạm Văn **B** trình bày:*

Về hôn nhân: Anh **B** thống nhất nh- ý kiến của chị **A** về thời gian kết hôn, điều kiện kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng. Khi xảy ra mâu thuẫn bố mẹ hai bên đã dàn xếp, khuyên bảo nhưng không có kết quả gì, mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai.

Nay chị **A** có đơn khởi kiện xin ly hôn anh, anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên anh cũng đồng ý ly hôn với chị **A**.

Về con chung: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** về số con chung, tên tuổi của cháu. Ly hôn, anh đồng ý với ý kiến của chị **A** về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Anh đề nghị chị **A** cấp dưỡng tiền nuôi con chung một lần.

Về tài sản, công nợ chung: Anh thống nhất nh- ý kiến của chị **A** về số tài sản chung của vợ chồng. Anh đề nghị trừ số tiền chị **A** được chia vào tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

** Tại biên bản **A** thập chứng cứ tại nơi cư trú – Trưởng Làng **C**, xã **D** cung cấp như sau*: Anh Phạm Văn **B** và chị Vi Thị **A** kết hôn với nhau vào năm 2008, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã **D**, huyện **E** vào ngày 11/3/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại gia đình nhà bố mẹ đẻ anh **B** ở Làng **C**, xã **D**, huyện **E**. Quá trình vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm được, anh chị không báo cáo gì với địa phương. Nay chị **A** có đơn xin ly hôn, quan điểm của địa phương: Đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết. Về con chung: Anh chị có 01 con chung. Nếu tr- ờng hợp anh chị phải ly hôn, thì đề nghị Tòa án căn cứ vào thực tế để quyết định giao con cho ai nuôi đảm bảo đ- ợc điều kiện về học tập, sinh hoạt của cháu. Về tài sản, công nợ chung: Địa phương không nắm được.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án*: Tất cả các giai đoạn từ khi thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa đ- ợc thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTDS năm 2015. Các đ- ơng sự thực hiện theo đúng quyền và nghĩa vụ quy định của BLTTDS năm 2015. Đề nghị HĐXX xem xét, đánh giá chứng cứ trên cơ sở quy định của pháp luật để đ- a ra quyết định đúng đắn, chính xác, khách quan nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đ- ơng sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Vi Thị **A**.

Tại phiên tòa hôm nay chị **A** vẫn giữ nguyên quan điểm về hôn nhân, con chung, rút yêu cầu về phần tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết; anh **B** vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Vi Thị **A** và anh Phạm Văn **B** kết hôn với nhau từ năm 2008, trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có tổ chức c-ới, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời trình bày của chị **A**, anh **B** và tại phiên tòa đều thấy rằng: Anh chị đều nại là quan điểm và tính cách sống không hợp nhau. Từ hơn 01 năm nay anh chị mỗi người một nơi và sống ly thân nhau, không ai quan tâm và có trách nhiệm đến ai.

Xét tình cảm của anh chị thực tế không còn, mâu **A**ẫn không có khả năng hàn gắn đ-ợc, điều này chứng tỏ mâu **A**ẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đ-ợc, nay chị **A** có yêu cầu xin ly hôn, anh **B** cũng đồng ý. Xét việc **A**ận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ điều 55 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận sự **A**ận tình ly hôn giữa chị **A** và anh **B**.

[3] Về con chung: Chị **A**, anh **B** có 01 con chung: Cháu Phạm Huy Hoàng – sinh ngày 24/7/2008. Ly hôn, anh chị thỏa **A**ận như sau: Anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng, chị **A** cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ. Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 8/2018 cho đến khi cháu Hoàng thành niên. Sự thỏa **A**ận của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo được sinh hoạt và học tập của cháu và quy định của pháp luật nên chấp nhận. Anh **B** yêu cầu chị **A** cấp dưỡng tiền nuôi con 01 lần và được trừ vào số tiền chị **A** được chia từ tài sản chung của vợ chồng. Chị **A** không đồng ý với ý kiến của anh **B** và chị chỉ đồng ý cấp dưỡng tiền nuôi con hàng tháng. Xét điều kiện, hoàn cảnh của chị **A** hiện tại không thể cấp dưỡng tiền nuôi con 01 lần cho anh **B**, nên không chấp nhận yêu cầu của anh **B** về việc yêu cầu chị **A** cấp dưỡng tiền nuôi con chung 01 lần.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Tại phiên tòa chị **A** rút yêu cầu về phần tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét yêu cầu của chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Vi Thị **A** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, án phí cấp dưỡng định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 81 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 271, khoản 1 Điều 273 BLTTDS năm 2015.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vi Thị **A** và anh Phạm Văn **B**.

2. Về con chung: Cháu Phạm Huy Hoàng - sinh ngày 24/7/2008 là con chung của chị Vi Thị **A** và anh Phạm Văn **B**. Công nhận sự thỏa **A**ận của anh chị: Giao cháu Hoàng cho anh **B** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **A** cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ(*Một triệu đồng*). Thời gian cấp dưỡng kể từ tháng 08/2018 cho đến khi cháu thành niên

Chị **A** có quyền thăm nom con chung không ai đ- ọc cản trở.

3. Về tài sản chung: Anh **B**, chị **A** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: □p dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5, điểm a,d khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức **A**, miễn, giảm, **A** nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chị Vi Thị **A** phải chịu 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí DSST, 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng định kỳ, nh- ng đ- ọc trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 2.050.000đ(*Hai triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai **A** số AA/2015/0004048 ngày 29/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện **E**, chị **A** được nhận lại 1.450.000đ(*Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí.

*Ng□ời đ□ọc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa **A**ận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành đ□ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

4. Về quyền kháng cáo: Chị **A**, anh **B** có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Các đ- ơng sự;
- VKS huyện **E**;
- Chi cục THA DS huyện **E**;
- UBND xã **D**;
- TAND tỉnh Thanh hóa;
- L- u hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Ngọc Lâm

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

